CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ

MINH HÒA

MINH HOA INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

VAN VÒI MINH HÒA CHO NGÔI NHÀ VIỆT

BẢNG GIÁ NĂM 2025

SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG
DỊCH VỤ HOÀN HẢO
CERTIFIED

ISO 9001 : 2015

VAN - VÒI
ĐỒNG HỒ ĐO NƯỚC
LINH KIỆN - PHỤ TÙNG
SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

MIHA - MBV - MI - TURA - TUBO - DALING - MHV - MH - MD - MHD

www.vanvoiminhhoa.vn

VAN VÒI MINH HÒA

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
1	**VAN CỬA ĐỒNG MIHA-XK PN20**	DN 15	149,600	164,600	10	100
		DN 20	201,600	221,800	10	80
		DN 25	277,400	305,100	6	60
		DN 32	429,800	472,800	4	32
		DN 40	549,600	604,600	4	24
		DN 50	911,700	1,002,900	2	16
2	**VAN MỘT CHIỀU ĐỒNG LÁ LẬT MIHA-XK PN20**	DN 15	86,300	94,900	12	120
		DN 20	119,600	131,600	10	100
		DN 25	184,100	202,500	8	80
		DN 32	308,900	339,800	6	48
		DN 40	419,900	461,900	4	32
		DN 50	653,400	718,700	2	18
3	**VAN BI ĐỒNG TAY GẠT MIHA-XK PN20**	DN 15	112,200	123,400	12	120
		DN 20	163,400	179,700	10	100
		DN 25	235,800	259,400	6	60
		DN 32	413,600	455,000	6	36
		DN 40	617,700	679,500	4	32
		DN 50	884,100	972,500	2	20

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
4	**VAN CỬA ĐỒNG MIHA PN16**	DN 15	128,400	141,200	10	100
		DN 20	159,600	175,600	10	80
		DN 25	231,300	254,400	6	60
		DN 32	394,200	433,600	4	32
		DN 40	504,200	554,600	4	24
		DN 50	787,700	866,500	2	16
		DN 65	1,717,200	1,888,900	1	10
		DN 80	2,313,900	2,545,300	1	6
		DN100	4,613,900	5,075,300	1	4
5	**VAN CỬA ĐỒNG MBV PN10**	DN 15	105,000	115,500	10	100
		DN 20	128,000	140,800	10	80
		DN 25	178,400	196,200	6	60
		DN 32	291,300	320,400	5	40
		DN 40	354,000	389,400	4	24
		DN 50	532,400	585,600	2	16
		DN 65	1,483,400	1,631,700	1	10
		DN 80	2,007,000	2,207,700	1	6
		DN100	3,278,700	3,606,600	1	6
6	**VAN CỬA ĐỒNG MI PN10**	DN 15	93,900	103,300	10	100
		DN 20	116,600	128,300	10	80
		DN 25	169,200	186,100	6	60
		DN 32	271,200	298,300	5	40
		DN 40	342,900	377,200	4	24
		DN 50	483,600	532,000	2	16
		DN 65	1,371,600	1,508,800	1	10
		DN 80	1,620,900	1,783,000	1	6
		DN100	2,766,000	3,042,600	1	6
7	**VAN CẦU HƠI ĐỒNG MIHA PN16**	DN 15	148,200	163,000	10	80
		DN 20	206,900	227,600	10	60

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
		DN 25	259,400	285,300	6	48
		DN 32	479,900	527,900	4	32
		DN 40	614,100	675,500	4	24
		DN 50	1,059,500	1,165,500	1	12
8	**VAN 1 CHIỀU ĐỒNG LÁ LẬT MIHA PN16**	DN 15	78,500	86,400	12	120
		DN 20	108,900	119,800	10	100
		DN 25	164,100	180,500	8	80
		DN 32	283,400	311,700	6	48
		DN 40	385,400	423,900	4	32
		DN 50	599,400	659,300	2	18
		DN 65	1,224,300	1,346,700	2	16
		DN 80	1,660,400	1,826,400	1	8
		DN100	3,077,900	3,385,700	1	6
9	**VAN 1 CHIỀU ĐỒNG LÁ LẬT MBV PN10**	DN 15	54,500	60,000	12	120
		DN 20	71,900	79,100	10	100
		DN 25	115,800	127,400	8	80
		DN 32	221,700	243,900	6	48
		DN 40	293,000	322,300	4	32
		DN 50	466,400	513,000	2	18
		DN 65	1,043,000	1,147,300	2	16
		DN 80	1,515,200	1,666,700	1	12
		DN100	2,638,800	2,902,700	1	6
10	**VAN 1 CHIỀU ĐỒNG LÁ LẬT MI PN10**	DN 15	44,700	49,200	12	120
		DN 20	62,700	69,000	10	100
		DN 25	96,900	106,600	8	80
		DN 32	203,900	224,300	6	48
		DN 40	258,200	284,000	4	32
		DN 50	417,600	459,400	2	18

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
		DN 65	954,200	1,049,600	2	16
		DN 80	1,383,600	1,522,000	1	12
		DN100	2,424,500	2,667,000	1	6
11	**VAN 1 CHIỀU ĐỒNG LÒ XO NÊM ĐỒNG MIHA PN16**	DN 15	84,600	93,100	15	180
		DN 20	125,100	137,600	15	150
		DN 25	171,600	188,800	12	120
		DN 32	290,400	319,400	6	60
		DN 40	377,600	415,400	6	48
		DN 50	586,500	645,200	4	32
		DN 65	1,066,200	1,172,800	2	12
		DN 80	1,364,600	1,501,100	1	12
		DN100	2,333,300	2,566,600	1	6
12	**VAN 1 CHIỀU ĐỒNG LÒ XO NÊM ĐỒNG MBV PN10**	DN 15	64,400	70,800	15	180
		DN 20	87,800	96,600	15	150
		DN 25	121,500	133,700	12	120
		DN 32	202,800	223,100	6	60
		DN 40	289,200	318,100	6	48
		DN 50	438,000	481,800	4	32
13	**VAN BI ĐỒNG TAY BƯỚM ABS MIHA PN16**	DN 15	99,900	109,900	12	120
		DN 20	147,500	162,300	10	100

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
	VAN BI ĐỒNG TAY BƯỚM HỢP KIM MIHA PN16	DN 15	99,900	109,900	12	120
		DN 20	147,500	162,300	10	100
14	**VAN BI ĐỒNG TAY KHÓA GẠT MIHA PN16**	DN 15	129,200	142,100	12	120
15	**VAN BI ĐỒNG REN NGOÀI TAY GẠT MIHA PN16**	DN 15	99,900	109,900	12	120
		DN 20	147,500	162,300	10	100
16	**VAN BI ĐỒNG REN NGOÀI TAY BƯỚM MIHA PN16**	DN 15	99,900	109,900	12	120
		DN 20	147,500	162,300	10	100
17	**VAN BI ĐỒNG REN TRONG REN NGOÀI TAY GẠT MIHA PN16**	DN 15	99,900	109,900	12	120

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
		DN 20	147,500	162,300	10	100
18	**VAN BI ĐỒNG REN 3 NGẢ MIHA PN16**	DN 15	95,900	105,500	8	80
19	**VAN BI ĐỒNG TAY GẠT MẠ MIHA PN16**	DN 15	103,200	113,500	12	120
		DN 20	151,800	167,000	10	100
20	**VAN BI ĐỒNG TAY GẠT MÀU ĐỎ MIHA PN16**	DN 15	99,900	109,900	12	120
		DN 20	147,500	162,300	10	100
		DN 25	212,700	234,000	6	60
		DN 32	379,200	417,100	6	36
		DN 40	515,000	566,500	4	32
		DN 50	773,900	851,300	2	20
		DN 65	1,902,600	2,092,900	2	8
		DN 80	2,657,100	2,922,800	2	8
		DN100	3,980,000	4,378,000	1	2
21	**VAN BI REN TRONG REN NGOÀI 1/2Fx1/2M MIHA PN16**	F15 x M15	60,800	66,900	12	120
22	**VAN BI ĐỒNG GAS TAY GẠT MÀU VÀNG**	DN 8	71,700	78,900	15	120
		DN 10	71,700	78,900	15	120

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
	MIHA PN30	DN 15	109,400	120,300	12	120
		DN 20	152,700	168,000	10	100
		DN 25	229,200	252,100	6	60
		DN 32	431,100	474,200	6	36
		DN 40	585,500	644,100	4	32
		DN 50	899,100	989,000	2	20
23	**VAN BI GAS TAY GẠT MÀU VÀNG (Thiết kế mới)** **MIHA PN30**	DN 8	64,500	71,000	15	120
24	**VAN BI ĐỒNG TAY GẠT MBV PN10**	DN 15	81,900	90,100	12	120
		DN 20	97,100	106,800	10	100
		DN 25	167,700	184,500	6	60
		DN 32	304,100	334,500	6	48
		DN 40	417,600	459,400	4	32
		DN 50	679,400	747,300	2	20
		DN 65	1,660,500	1,826,600	2	8
		DN 80	2,328,800	2,561,700	2	8
		DN100	3,495,200	3,844,700	1	2
25	**VAN BI ĐỒNG TAY BƯỚM MBV PN10**	DN 15	81,900	90,100	12	120
		DN 20	97,100	106,800	10	100
26	**VAN BI ĐỒNG TAY GẠT MI PN10**	DN 15	65,000	71,500	12	120
		DN 20	85,700	94,300	10	100
		DN 25	136,700	150,400	6	60
		DN 32	296,000	325,600	6	48
		DN 40	407,600	448,400	4	32
		DN 50	600,600	660,700	2	20

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
27	**VAN BI ĐỒNG TAY GẠT MH PN10**	DN 15	61,700	67,900	12	120
		DN 20	79,700	87,700	10	100
		DN 25	131,600	144,800	6	60
		DN 32	242,400	266,600	6	48
		DN 40	315,000	346,500	4	32
		DN 50	446,700	491,400	2	20
28	**VAN BI HỢP KIM TAY BƯỚM TUBO PN10**	DN 15	56,100	61,700	12	120
29	**VAN BI HỢP KIM TAY GẠT TURA PN10**	DN 15	56,100	61,700	12	120
		DN 20	67,500	74,300	12	120
		DN 25	100,800	110,900	8	80
		DN 32	183,800	202,200	6	48
		DN 40	242,700	267,000	4	32
		DN 50	359,300	395,200	2	20
		DN 65	1,059,900	1,165,900	2	8
30	**RỌ ĐỒNG MIHA PN16**	DN 15	53,700	59,100	15	150
		DN 20	88,100	96,900	15	150
		DN 25	129,800	142,800	12	72
		DN 32	201,500	221,700	12	72
		DN 40	281,100	309,200	8	48
		DN 50	407,300	448,000	6	36
		DN 65	935,400	1,028,900	2	12
		DN 80	1,170,800	1,287,900	1	12
		DN100	2,165,400	2,381,900	1	8
31		DN 15	49,700	54,700	15	150

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
	RỌ ĐỒNG MBV PN10	DN 20	72,000	79,200	15	150
		DN 25	105,000	115,500	12	72
		DN 32	172,500	189,800	12	72
		DN 40	245,300	269,800	8	48
		DN 50	370,700	407,800	6	36
		DN 65	869,600	956,600	2	12
		DN 80	1,073,000	1,180,300	1	12
32	**RỌ ĐỒNG MI PN10**	DN 65	516,600	568,300	2	12
		DN 80	690,600	759,700	1	12
		DN100	1,652,600	1,817,900	1	6
33	**Y LỌC ĐỒNG MIHA PN16**	DN 15	79,100	87,000	12	120
		DN 20	134,400	147,800	10	100
		DN 25	207,200	227,900	6	60
		DN 32	416,300	457,900	2	24
		DN 40	520,700	572,800	2	24
		DN 50	900,800	990,900	1	16
34	**VAN PHAO ĐỒNG MIHA XK**	DN 15	165,000	181,500	10	100

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
		DN 20	177,300	195,000	10	80
35	**VAN PHAO ĐỒNG MIHA**	DN 15	180,200	198,200	10	100
		DN 20	241,800	266,000	10	60
		DN 25	275,900	303,500	6	48
		DN 32	864,200	950,600	4	24
		DN 40	1,041,200	1,145,300	4	24
		DN 50	1,770,300	1,947,300	2	12
36	**VAN PHAO ĐỒNG MBV** 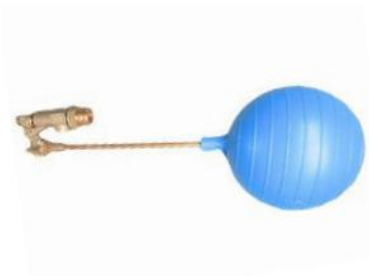	DN 15	167,400	184,100	10	100
		DN 20	200,600	220,700	10	60
		DN 25	237,500	261,300	6	48
37	**VAN PHAO ĐỒNG MI**	DN 15	129,500	142,500	10	100
38	**VÒI VƯỜN ĐỒNG MẠ VÀNG MIHA-XK PN16**	DN 15	342,600	376,900	1	

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
		DN 20	367,400	404,100	1	
39	**VÒI VƯỜN ĐỒNG MẠ MIHA-XK PN16**	DN 15	113,900	125,300	10	120
		DN 20	128,600	141,500	10	120
40	**VÒI VƯỜN ĐỒNG MIHA-XK PN16**	DN 15	107,100	117,800	10	120
		DN 20	120,600	132,700	10	120
41	**VÒI VƯỜN ĐỒNG MẠ MIHA PN16**	DN 15	112,200	123,400	10	120
		DN 20	123,800	136,200	10	120
42	**VÒI VƯỜN ĐỒNG TAY NHÔM MIHA PN16**	DN 15	102,300	112,500	10	120
		DN 20	116,100	127,700	10	120

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
43	**VÒI VƯỜN ĐỒNG TAY INOX MIHA PN16**	DN 15	102,300	112,500	10	120
		DN 20	116,100	127,700	10	120
44	**VÒI MÁY GIẶT ĐỒNG MIHA PN16**	DN 15	98,600	108,500	10	120
45	**VÒI VƯỜN ĐỒNG MẠ MBV PN10**	DN 15	94,700	104,200	10	120
		DN 20	103,800	114,200	10	120
46	**VÒI VƯỜN ĐỒNG TAY INOX MBV PN10**	DN 15	87,800	96,600	10	120
		DN 20	96,000	105,600	10	120
47	**VÒI VƯỜN ĐỒNG MH PN10**	DN 15	74,700	82,200	10	120

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
		DN 20	88,100	96,900	10	120
48	**VÒI VƯỜN HỢP KIM DALING-XK PN10**	DN 15	73,400	80,700	10	120
		DN 20	79,800	87,800	10	120
49	**VÒI VƯỜN HỢP KIM DALING PN10**	DN 15	59,700	65,700	10	120
		DN 20	71,100	78,200	10	120
50	**VÒI VƯỜN HỢP KIM TURA PN10**	DN 15	48,500	53,400	10	120
		DN 20	63,300	69,600	10	120
51	**VÒI VƯỜN HỢP KIM TUBO PN10**	DN 15	41,700	45,900	10	120

VAN NHỰA MINH HÒA

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
1	**VÒI NHỰA TAY XOAY MH**	DN 15	21,600	23,800	10	100
		DN 20	22,500	24,800	10	100
2	**VÒI NHỰA TAY XOAY NỐI ỐNG MỀM ĐỒNG MH**	DN 15	29,300	32,200	10	100
		DN 20	30,600	33,700	10	100
3	**VÒI NHỰA TAY XOAY NỐI ỐNG MỀM NHỰA MH**	DN 15	24,600	27,100	10	100
		DN 20	25,500	28,100	10	100
4	**VÒI NHỰA NÚM VẶN MH**	DN 15	25,200	27,700	10	80
		DN 20	26,700	29,400	10	80
5	**VÒI NHỰA NÚM VẶN 90° NỐI ỐNG MỀM NHỰA MH**	DN 15	28,200	31,000	10	80
		DN 20	33,600	37,000	10	80
6	**VÒI NHỰA TAY GẠT 90° MH**	DN 15	14,700	16,200	20	200
		DN 20	16,500	18,200	20	200
7	**VÒI NHỰA TAY GẠT ĐĨA CERAMIC**	DN 15	21,900	24,100	10	100
		DN 20	23,100	25,400	10	100
8	**VÒI NHỰA TAY GẠT ĐĨA CERAMIC NỐI ỐNG MỀM NHỰA**	DN 15	24,800	27,300	10	80
		DN 20	26,000	28,600	10	80

ĐỒNG HỒ NƯỚC MINH HÒA

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
1	**ĐỒNG HỒ LOẠI TỪ ĐA TIA CẤP 2, R=160, THÂN ĐỒNG, KHÔNG RẮC CO - NHÃN HIỆU MHD**	DN 15	840,800	924,900	1	20
2	**ĐỒNG HỒ THÂN ĐỒNG, LOẠI TỪ, ĐA TIA, CẤP 2, R=100, KHÔNG RẮC CO - NHÃN HIỆU MHV-XK**	DN 15	808,400	889,200	1	20
		DN 20	929,700	1,022,700	1	20
3	**ĐỒNG HỒ LOẠI TỪ ĐA TIA CẤP B, THÂN ĐỒNG KHÔNG RẮC CO - NHÃN HIỆU MHV**	DN 15	767,900	844,700	1	20
4	**ĐỒNG HỒ LOẠI TỪ ĐA TIA CẤP 2, R=160, KHUY ĐỒNG THÂN NHỰA PA, KHÔNG RẮC CO NHÃN HIỆU MHC**	DN 15	437,400	481,100	1	20
5	**ĐỒNG HỒ LOẠI TỪ ĐA TIA CẤP B, KHUY ĐỒNG THÂN NHỰA PA, KHÔNG RẮC CO NHÃN HIỆU MH**	DN 15	434,300	477,700	1	20
		DN 20	465,300	511,800	1	20
		DN 25	519,600	571,600	1	20

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
6	**ĐỒNG HỒ LOẠI TỪ ĐA TIA CẤP B, THÂN NHỰA PA, CÓ RẮC CO, LẮP ĐỨNG MH-XK**	DN 15	245,100	269,600	1	20
7	**ĐỒNG HỒ LOẠI TỪ ĐA TIA CẤP B, THÂN NHỰA PA, CÓ RẮC CO - NHÃN HIỆU MD**	DN 15	225,200	247,700	1	20
		DN 20	251,100	276,200	1	20
8	**ĐỒNG HỒ LOẠI TỪ ĐA TIA CẤP 2, R=80, THÂN NHỰA ABS, CÓ RẮC CO NHÃN HIỆU MI**	DN 15	157,400	173,100	1	20
9	**RẮC CO NHỰA ĐỒNG HỒ**	DN 15	11,100	12,200		
10	**VAN 1 CHIỀU NHỰA**	DN 15	6,900	7,600		

HỘP BẢO VỆ ĐỒNG HỒ NƯỚC MINH HÒA

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
1	**HỘP BẢO VỆ ĐỒNG HỒ NHỰA MH**	377,300	415,000	1	4
2	**HỘP BẢO VỆ ĐỒNG HỒ NHỰA MD**	196,700	216,400	1	4
3	**HỘP BẢO VỆ ĐỒNG HỒ NHỰA MI**	151,500	166,700	1	9
4	**HỘP BẢO VỆ ĐỒNG HỒ THÉP MD**	243,200	267,500	1	5

VAN LẮP CỤM ĐỒNG HỒ NƯỚC MINH HÒA

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
1	**VAN GÓC CÓ VAN 1 CHIỀU ĐỒNG TRƯỚC VÀ SAU ĐH MIHA PN16**	DN 15	195,900	215,500	10	80
2	**VAN GÓC KHÔNG VAN 1 CHIỀU ĐỒNG MIHA PN16**	DN 15	182,400	200,600	10	80
3	**VAN GÓC KHÔNG VAN 1 CHIỀU TAY BƯỚM ĐỒNG MIHA PN16**	DN 15	209,400	230,300	10	80
4	**VAN GÓC CÓ VAN 1 CHIỀU ĐỒNG MẠ NIKEN TRƯỚC VÀ SAU ĐH MIHA PN16**	DN 15	238,700	262,600	10	80
5	**VAN GÓC KHÔNG VAN 1 CHIỀU ĐỒNG MẠ NIKEN MIHA PN16**	DN 15	229,700	252,700	10	80
6	**VAN GÓC KHÔNG VAN 1 CHIỀU ĐỒNG MẠ NIKEN MIHA PN16 LOẠI 7D**	DN 15	295,100	324,600	6	60

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
7	**VAN GÓC CÓ VAN 1 CHIỀU ĐỒNG TRƯỚC VÀ SAU ĐH TAY KHÓA MIHA PN16**	DN 15	218,400	240,200	10	80
8	**VAN GÓC KHÔNG VAN 1 CHIỀU ĐỒNG TAY KHÓA MIHA PN16**	DN 15	205,100	225,600	10	80
9	**VAN GÓC KHÔNG 1C MẠ TAY ABS (SW) MIHA PN16**	DN 15	29,700	252,700	10	80
10	**VAN GÓC NỐI BẤM KHÔNG VAN 1 CHIỀU ĐỒNG MIHA PN16**	DN 15*20	22,900	245,200	10	80
11	**VAN GÓC NỐI BẤM CÓ VAN 1 CHIỀU ĐỒNG MIHA PN16**	DN 15*20	234,900	258,400	10	80
12	**VAN GÓC LIÊN HỢP CÓ VAN 1 CHIỀU ĐỒNG MIHA PN16**	DN 15	234,300	257,700	10	80
		DN 15*20	227,600	250,400	10	80

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
13	**VAN GÓC LIÊN HỢP KHÔNG VAN 1 CHIỀU TAY BƯỚM ĐỒNG MIHA PN16**	DN 15	248,100	272,900	10	80
14	**VAN GÓC LIÊN HỢP CÓ VAN 1 CHIỀU TAY BƯỚM ĐỒNG MIHA PN16**	DN 15	261,500	287,700	10	80
15	**VAN GÓC LIÊN HỢP KHÔNG VAN 1 CHIỀU ĐỒNG MIHA PN16**	DN 15	220,700	242,800	10	80
		DN 15*20	213,900	235,300	10	80
		DN 25*32	737,300	811,000	6	36
		DN 25*32 (5D)	870,000	957,000		50
16	**VAN GÓC LIÊN HỢP CÓ VAN 1 CHIỀU ĐỒNG MẠ NIKEN MIHA PN16**	DN 15	270,200	297,200	10	80
17	**VAN GÓC LIÊN HỢP KHÔNG VAN 1C ĐỒNG MẠ NIKEN MIHA PN16**	DN 15	256,700	282,400	10	80

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
18	**VAN GÓC LIÊN HỢP KHÔNG VAN 1 CHIỀU ĐỒNG LOẠI 5D MIHA PN16**	DN 15	301,700	331,900	10	80
19	**VAN GÓC LIÊN HỢP KHÔNG VAN 1 CHIỀU ĐỒNG LOẠI 5D TAY KHÓA MIHA PN16**	DN 15	324,000	356,400	10	80
20	**VAN GÓC LIÊN HỢP CÓ VAN 1 CHIỀU ĐỒNG TAY KHÓA MIHA PN16**	DN 15	285,900	314,500	10	80
		DN 15*20	274,700	302,200	10	80
21	**VAN GÓC LIÊN HỢP KHÔNG VAN 1 CHIỀU ĐỒNG TAY KHÓA MIHA PN16**	DN 15	274,700	302,200	10	80
22	**VAN GÓC ĐỒNG KHÔNG 1 CHIỀU TAY KHÓA TỪ MIHA PN16**	DN 15	279,000	306,900	10	80

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
23	**VAN GÓC ĐỒNG KHÔNG 1 CHIỀU TAY KHÓA TỪ MẠ NIKEN MIHA PN16**	DN 15	294,900	324,400	10	80
24	**VAN GÓC ĐỒNG CÓ 1 CHIỀU (TĐH) TAY KHÓA TỪ MIHA PN16**	DN 15	292,700	322,000	10	80
25	**VAN GÓC ĐỒNG LIÊN HỢP KHÔNG 1 CHIỀU TAY KHÓA TỪ MIHA PN16**	DN 15	315,000	346,500	10	80
26	**VAN GÓC ĐỒNG LIÊN HỢP CÓ 1 CHIỀU (TĐH) TAY KHÓA TỪ MIHA PN16**	DN 15	328,700	361,600	10	80
27	**VAN BI LIÊN HỢP ĐỒNG MIHA PN16**	DN 15	162,300	178,500	10	80
		DN 20	195,900	215,500	10	80
		DN 25	716,300	787,900	5	50
28	**VAN BI LIÊN HỢP ĐỒNG MẠ NIKEN MIHA PN16**	DN 20	229,700	252,700	10	80

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
29	**VAN BI LIÊN HỢP ĐỒNG TAY KHÓA MIHA PN16**	DN 20	218,400	240,200	10	80
30	**VAN BI LIÊN HỢP ĐỒNG TAY BƯỚM ĐỒNG MIHA PN16**	DN 20	222,900	245,200	10	80
31	**VAN BI ĐỒNG TAY KHÓA MIHA PN16**	DN 15	119,400	131,300	12	120
		DN 20	163,400	179,700	10	100
32	**VAN BI ĐỒNG HỒ TAY BƯỚM ĐỒNG KHỚP NỐI ĐỘNG MIHA PN16**	DN 15	369,600	406,600	8	80
33	**VAN BI ĐỒNG TAY KHÓA MIHA PN16**	DN 15	328,200	361,000	8	80
34	**VAN BI ĐỒNG HỒ TAY ĐỒNG KHỚP NỐI TĨNH MIHA PN16**	DN 15	328,200	361,000	8	80
35	**VAN BI ĐỒNG HỒ TAY BƯỚM HỢP KIM KHỚP NỐI ĐỘNG MIHA PN16**	DN 15	337,500	371,300	8	80

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
36	**VAN BI ĐỒNG HỒ NỐI TĨNH KHÓA TỪ MIHA PN16**	DN 15	388,100	426,900	8	80
37	**VAN BI ĐỒNG HỒ KHỚP NỐI TĨNH TAY BƯỚM HỢP KIM MIHA PN16**	DN 15	320,100	352,100	8	80
38	**KHỚP NỐI ĐỒNG HỒ ĐỘNG CÓ VAN 1C MIHA PN16**	DN 15	214,400	235,800		80
39	**CÚT NỐI LIÊN HỢP**	3/4" X D25	189,500	208,500		80
40	**NỐI REN LIÊN HỢP**	DN 20	101,300	111,400		150
41	**VAN GÓC ĐỒNG LIÊN HỢP KHÔNG 1 CHIỀU TAY KHÓA TỪ MIHA PN16**	3/4" X D27	324,900	357,400	10	80
42	**CÚT NỐI LIÊN HỢP**	3/4" X D27	195,500	215,100		80
43	**CHOÒNG MỞ KHÓA (TAY KHÓA)**		360,000	396,000		1

VAN GÓC CỨU HỎA REN VÀ MẶT BÍCH

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
1	**VAN GÓC CỨU HỎA REN MIHA PN16**	DN 50	1,162,400	1,278,600		12
		DN 65	1,664,700	1,831,200		8
2	**VAN GÓC CỨU HỎA MẶT BÍCH MIHA 5K**	DN 50	2,361,600	2,597,800		6
		DN 65	3,818,900	4,200,800		4
3	**VAN GÓC CỨU HỎA MẶT BÍCH MIHA 16K**	DN 50	3,044,400	3,348,800		6
		DN 65	4,772,600	5,249,900		4

VAN CẦU ĐỒNG MẶT BÍCH

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
1	**VAN CẦU ĐỒNG MẶT BÍCH 2 CHIỀU MIHA 5K**	DN 15	1,270,400	1,397,400		8
		DN 20	1,571,400	1,728,500		8
		DN 25	1,895,700	2,085,300		8
		DN 32	3,288,900	3,617,800		4
		DN 40	3,766,100	4,142,700		4
		DN 50	6,111,900	6,723,100		2
2	**VAN CẦU ĐỒNG MẶT BÍCH 1 CHIỀU MIHA 5K**	DN 15	1,228,200	1,351,000		8
		DN 20	1,529,300	1,682,200		8
		DN 25	1,868,100	2,054,900		8
		DN 32	3,267,500	3,594,300		4
		DN 40	3,630,300	3,993,300		4
		DN 50	6,078,500	6,686,400		2
3	**VAN CẦU ĐỒNG MẶT BÍCH 2 CHIỀU MIHA 16K**	DN 15	1,887,000	2,075,700		6
		DN 20	2,455,400	2,700,900		6
		DN 25	3,315,300	3,646,800		4
		DN 32	4,493,300	4,942,600		4
		DN 40	5,212,800	5,734,100		4

LINH KIỆN BẰNG ĐỒNG LOẠI DÀY

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
1	**CÚT ĐỒNG REN TRONG**	ϕ15	24,900	27,400	10	200
2	**CÚT ĐỒNG REN NGOÀI**	ϕ15	23,000	25,300	10	200
3	**CÚT ĐỒNG REN TRONG REN NGOÀI**	ϕ8	27,300	30,000	10	200
4	**TÊ ĐỒNG REN TRONG**	ϕ15	22,500	24,800	10	200
5	**TÊ ĐỒNG REN NGOÀI 1 ĐAI ỐC (TÊ CẦU) CÓ KÈM GIOĂNG**	ϕ15	39,500	43,500	20	200
6	**TÊ ĐỒNG REN NGOÀI**	ϕ15	35,300	38,800	10	200
7	**KÉP ĐỒNG**	ϕ15 - L29mm	12,900	14,200	20	400
		ϕ15 - L29MH	17,700	19,500	20	400
		ϕ15 - L34mm	14,700	16,200	20	400
		ϕ15 - L34MH	20,100	22,100	20	400
		ϕ20 - L35mm	22,800	25,100	20	400
		ϕ20MH L35	30,600	33,700	20	400

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
		ϕ25 L37mm	35,000	38,500	10	200
		ϕ25MH L37	51,900	57,100	10	150
		ϕ32	62,700	69,000	5	50
		ϕ40	113,900	125,300	4	80
		ϕ50	161,400	177,500	2	20
8	**KÉP THU ĐỒNG**	ϕ15 x ϕ8 x L23,5mm	10,700	11,800	20	400
		ϕ15 x ϕ8 x L23,5 MH	13,100	14,400	20	400
		ϕ15 x ϕ10 x L25,5mm	11,300	12,400	20	400
		ϕ15 x ϕ10 x L25,5MH	13,500	14,900	20	400
		ϕ20 x ϕ10	30,600	33,700	20	400
		ϕ20 x ϕ15	21,800	24,000	20	400
		ϕ20 x ϕ15 MH	30,500	33,600	20	400
		ϕ20 x ϕ6	21,900	24,100	20	400
		ϕ20 x ϕ8	22,200	24,400	20	400
9	**LƠ ĐỒNG**	ϕ15 - L15.5mm	9,000	9,900	20	400
		ϕ15 - L25.5mm	11,700	12,900	20	400
		ϕ15 - L25.5mm MH	20,700	22,800	20	400
		ϕ15 - L29.5mm	15,300	16,800	20	400
		ϕ15 - L29.5mm MH	30,000	33,000	20	400
		ϕ15 - L33mm	17,000	18,700	20	400
		ϕ20 - L25mm	20,000	22,000	20	400
10	**LƠ THU ĐỒNG**	ϕ15 x ϕ10 - L19mm	10,100	11,100	20	400
		ϕ15 x ϕ6 - L19mm	14,400	15,800	20	400
		ϕ15 x ϕ8 - L16	9,900	10,900	20	400
		ϕ15 x ϕ8 - L16MH	11,600	12,800	20	400
		ϕ20 x ϕ10	21,600	23,800	20	400
		ϕ20 x ϕ15 - L12.7	10,400	11,400	20	400
		ϕ20 x ϕ15 - L18	15,500	17,100	20	400
		ϕ20 x ϕ15 - L24 MH	28,200	31,000	20	400
		ϕ20 x ϕ6	27,600	30,400	20	400
		ϕ20 x ϕ8	26,000	28,600	20	400
11	**LƠ THU ĐỒNG REN TRONG REN NGOÀI**	ϕ10 x ϕ6	9,300	10,200	20	400
		ϕ10 x ϕ8	8,000	8,800	20	400
		ϕ15 x ϕ10	11,700	12,900	20	400
		ϕ15 x ϕ6	17,300	19,000	20	400
		ϕ15 x ϕ8	14,100	15,500	20	400

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
		ϕ20 x ϕ20	23,100	25,400	20	400
12	**ĐUÔI ĐỒNG HỒ & RẮC CO**	ϕ15 - L42	40,500	44,600	20	200
		ϕ15 - L37 A	33,300	36,600	20	200
		ϕ15 - L37	39,500	43,500	20	200
		ϕ20	73,400	80,700	10	100
		ϕ25	119,600	131,600	8	80
		ϕ32	173,400	190,700	5	50
		ϕ40	269,000	295,900	4	40
		ϕ50	463,700	510,100	2	20
13	**NỐI NHANH ỐNG MỀM BẰNG ĐỒNG REN NGOÀI**	ϕ15 x ϕ10	11,900	13,100	20	400
		ϕ15 x ϕ12,7	23,700	26,100	20	400
		ϕ15 x ϕ21	35,000	38,500	20	400
		ϕ15 x ϕ6	10,800	11,900	20	400
		ϕ15 x ϕ8	11,600	12,800	20	400
		ϕ15 x ϕ16	12,900	14,200	20	400
		ϕ20 x ϕ8	19,100	21,000	20	400
		ϕ8 x ϕ12 (M1/4 X 12) L36	10,100	11,100	20	400
14	**NỐI NHANH ỐNG MỀM BẰNG ĐỒNG REN TRONG**	ϕ8 x ϕ8 (F1/4 X 8) L36	8,000	8,800	20	400
		ϕ8 x ϕ10 (F1/4 X 10) L36	7,700	8,500	20	400
		ϕ8 x ϕ12 (F1/4 X 12) L36	8,100	8,900	20	400
15	**MĂNG SÔNG ĐỒNG**	ϕ10 L23	17,000	18,700	20	400
		ϕ15 - L21.5	12,300	13,500	20	400
		ϕ15 - L25	14,300	15,700	20	400
		ϕ15 - L29	16,700	18,400	20	400
		ϕ15 - L29 MH	30,500	33,600	20	400
		ϕ20 - L23	20,000	22,000	20	400
		ϕ20 - L30	27,500	30,300	20	400
16	**NÚT BỊT ĐỒNG REN TRONG**	ϕ15	8,400	9,200	20	400
		ϕ20	14,100	15,500	20	400

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
17	**NÚT BỊT ĐỒNG REN NGOÀI**	ϕ15	7,700	8,500	20	400
		ϕ20	12,000	13,200	20	400
18	**TÚM ĐỒNG**	ϕ15F*20M	18,900	20,800	20	400
		ϕ20F*25M	37,500	41,300	20	400

LINH KIỆN BẰNG ĐỒNG LOẠI MỎNG

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

TT	TÊN - HÌNH ẢNH	QUY CÁCH	GIÁ CHƯA VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Hộp)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
1	**LƠ ĐỒNG**	DN15-L26	12,600	13,900	20	400
		DN15-L30	14,900	16,400	20	400
2	**LƠ ĐỒNG REN TRONG REN NGOÀI**	DN15X8-L16	8,600	9,500	20	400
		DN15X10-L16	6,900	7,600	20	400
		DN20X15-L16	13,100	14,400	20	400
3	**KÉP ĐỒNG**	DN15-L30	12,200	13,400	20	400
		DN15-L32	13,200	14,500	20	400
		DN15-L34	14,100	15,500	20	400
4	**TÊ ĐỒNG REN NGOÀI**	DN15-L48	21,500	23,700	10	200
		DN15-L51	22,800	25,100	10	200
5	**RẮC CO ĐỒNG HỒ**	DN15-L30	22,700	25,000	20	200
		DN15-L32	23,600	26,000	20	200
		DN15-L34	26,900	29,600	20	200

VAN VÀ PHỤ KIỆN PP-R MINH HÒA

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	KÍCH THƯỚC	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
1	VAN CỬA PP-R	20	140,000	60
		25	179,700	40
		32	251,300	30
		40	414,600	20
		50	566,000	10
		63	917,000	10
2	VAN BI PP-R	20	24,800	50
		25	34,700	50
3	CÚT 90°	20	3,900	100
		25	5,900	100
		32	9,300	50
		40	14,700	30
		50	24,200	12
4	CÚT REN TRONG	20X1/2"	29,400	
		25X1/2"	32,100	
		25X3/4"	41,900	
5	CÚT REN NGOÀI	20X1/2"	41,600	
		25X1/2"	44,300	
		25X3/4"	54,500	
6	MĂNG SÔNG	25	3,600	
		32	5,000	
		40	8,000	
		50	13,100	
		63	27,500	
7	TÊ THU	20-25-20	6,000	
		32-20-32	8,300	
		40-20-40	14,400	
		50-20-50	23,100	
		32-25-32	8,300	
		40-25-40	14,400	
		40-32-40	14,400	
		50-40-50	23,100	
		63-40-63	44,900	

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	KÍCH THƯỚC	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
8	TÊ ĐỀU	20	4,500	
		25	6,900	
		32	9,800	
		40	16,700	
		50	29,000	
9	TÊ REN TRONG	25X3/4"	42,900	
10	TÊ REN NGOÀI	20X1/2"	39,900	
		25X1/2"	41,700	
		25X3/4"	50,900	
11	MĂNG SÔNG REN NGOÀI	20X1/2"	39,200	
		25X1/2"	43,100	
		25X3/4"	48,800	
12	MĂNG SÔNG REN TRONG	25X3/4"	38,700	
13	CHẾCH 45°	20	3,600	
		25	4,800	
		32	7,700	
		40	12,000	
		50	20,000	
14	CÔN THU	32-20	4,700	
		40-20	6,900	
		50-20	11,600	
		63-20	24,000	
		32-25	4,700	
		40-25	6,900	
		50-25	11,600	
		63-25	24,000	
		50-32	11,600	
		63-32	24,000	
		50-40	11,600	
		63-40	24,000	
		63-50	24,000	

ĐỒNG HỒ NƯỚC TRUNG ĐỨC

NHÃN HIỆU FUDA – SẢN XUẤT TRUNG QUỐC

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	KIỂU	QUY CÁCH	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
1	**ĐỒNG HỒ NƯỚC LẠNH LOẠI CƠ CẤP B**	**THÂN GANG NỐI REN**	DN 15	512,600	10
			DN 20	615,000	10
			DN 25	947,400	6
			DN 32	1,359,600	6
			DN 40	2,082,800	3
2	**ĐỒNG HỒ NƯỚC LẠNH LOẠI CƠ CẤP B**	**THÂN GANG NỐI BÍCH**	DN 50	2,565,500	1
			DN 80	4,510,500	1
			DN 100	4,961,100	1
			DN 150	8,297,000	1
			DN 200	11,163,800	1
3	**ĐỒNG HỒ NƯỚC LẠNH LOẠI TỪ CẤP B**	**THÂN GANG NỐI REN**	DN 15	626,000	10
			DN 20	734,900	10
			DN 25	1,142,900	6
			DN 32	1,470,200	6
			DN 40	2,222,600	3
4	**ĐỒNG HỒ NƯỚC LẠNH LOẠI TỪ CẤP B**	**THÂN GANG NỐI BÍCH**	DN 50	2,986,400	1
			DN 80	5,453,700	1
			DN 100	5,928,500	1
			DN 150	9,188,700	1
			DN 200	11,234,000	1
5	**ĐỒNG HỒ NƯỚC NÓNG LOẠI CƠ**	**THÂN GANG NỐI REN**	DN 15	670,100	10
			DN 20	813,800	10
			DN 25	1,177,200	6
			DN 32	1,598,100	6
			DN 40	2,599,700	3

ĐỒNG HỒ NƯỚC TRUNG ĐỨC

NHÃN HIỆU FUZHOU – SẢN XUẤT TRUNG QUỐC

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	KIỂU	QUY CÁCH	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
1	**ĐỒNG HỒ NƯỚC LẠNH LOẠI CƠ CẤP B**	**THÂN GANG NỐI REN**	DN 15	610,400	10
			DN 20	713,700	10
			DN 25	1,081,400	5
			DN 32	1,373,400	6
			DN 40	2,240,600	2
2	**ĐỒNG HỒ NƯỚC LẠNH LOẠI CƠ CẤP B**	**THÂN GANG NỐI BÍCH**	DN 50	2,782,500	1
			DN 80	4,403,400	1
			DN 100	4,881,800	1
			DN 150	8,013,200	1
			DN 200	10,887,300	1
3	**ĐỒNG HỒ NƯỚC LẠNH LOẠI TỪ CẤP B**	**THÂN GANG NỐI REN**	DN 15	680,900	10
			DN 20	782,300	10
			DN 25	1,260,300	5
			DN 32	1,665,600	6
			DN 40	2,271,300	2
4	**ĐỒNG HỒ NƯỚC LẠNH LOẠI TỪ CẤP B**	**THÂN GANG NỐI BÍCH**	DN 50	2,992,200	1
			DN 80	5,963,000	1
			DN 100	7,101,200	1
			DN 150	10,404,300	1
			DN 200	12,093,800	1

ĐỒNG HỒ NƯỚC NINGBO

NHÃN HIỆU NINGBO – SẢN XUẤT TRUNG QUỐC

STT	TÊN - HÌNH ẢNH	KIỂU	QUY CÁCH	GIÁ CÓ VAT *(ĐVT: VNĐ/Cái)*	ĐÓNG GÓI *(Cái/Thùng)*
1	**ĐỒNG HỒ NƯỚC LẠNH LOẠI CƠ CẤP B**	**THÂN NHỰA NỐI REN**	DN 15	287,700	10
		THÂN GANG NỐI REN	DN 15	287,700	10
2	**ĐỒNG HỒ NƯỚC LẠNH LOẠI TỪ CẤP B**	**THÂN GANG NỐI REN**	DN 15	436,500	10
3	**ĐỒNG HỒ NƯỚC NÓNG LOẠI TỪ**	**THÂN GANG NỐI REN**	DN 15	553,500	10
			DN 20	588,500	10
			DN 25	842,000	6
			DN 32	1,092,300	6
			DN 40	1,526,000	2